

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST.

Ngày: 14-02-2022.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Minh.

**- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị N, sinh năm: 1986. Địa chỉ: R5 khu phố 4, phường 3, thành phố T, tỉnh L.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số 102 KA ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2021). Có mặt.

**- Bị đơn:**

1/ Bà Bùi Thị Trúc L, sinh năm: 1984. địa chỉ: Số 249/2 ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An. Có mặt.

2/ Ông Nguyễn Trung M, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số 186/2 ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An. Vắng mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Luật sư Lưu Minh T- Văn phòng luật sư Lê Quang H thuộc đoàn Luật sư tỉnh L. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phan Thanh S, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Số 54/3 ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Long An. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 của nguyên đơn bà Đoàn Thị N và những lời khai trình trước tòa, bà Trần Thị Hồng X là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 28/9/2021, bà Đoàn Thị N có cho bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M vay số tiền 8.200.000.000 đồng để trả nợ đáo hạn ngân hàng, hẹn 3 ngày sẽ trả vốn, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng tiền lãi là 2.500 đồng/ngày. Đến hạn trả nợ bà L, ông M không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận để kéo dài thời gian thanh toán nợ. Đến ngày 26/11/2021, ông Phan Thanh S có thỏa thuận trả nợ thay cho bà Bùi Thị Trúc L số tiền 2.000.000.000 đồng. Số nợ vốn bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M còn nợ là 6.200.000.000 đồng. Ngày 28/01/2022, bà L chuyển nhượng đất trị giá 2.000.000.000 đồng để trả cho bà N. Bà L, ông M còn nợ lại bà N số nợ vốn là 4.200.000.000 đồng. Bà N yêu cầu tính lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày vay 28/9/2021 đến ngày 26/11/2021:  $8.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 263.165.333 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi từ ngày 27/11/2021 đến ngày 28/01/2022:  $6.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 209.270.666 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi từ ngày 29/01/2022 đến ngày xét xử ngày 14/02/2022:  $4.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 16 \text{ ngày} = 37.184.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng tiền lãi: 509.619.999 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và lãi: 4.709.619.999 đồng.

Bà Nang yêu cầu bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M phải liên đới trả số nợ vốn và lãi trên trong thời gian ngắn.

- Bà Bùi Thị Trúc L là bị đơn trình bày: Thực tế bà không có trực tiếp vay tiền của bà Đoàn Thị N. Bà vay tiền của ông Võ Văn M để đưa cho người khác vay lại nhưng bị người ta giựt nợ bỏ trốn nên bà N yêu cầu bà viết giấy nhận nợ của ông M sang tên bà N bà đồng ý. Chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy mượn tiền ngày 28 tháng 9 năm 2021 là của bà và ông M, nhưng bà và ông M đã ly hôn. Ông Phan Thanh S đã trả cho bà N thay cho bà được 2.000.000.000 đồng, bà đã chuyển nhượng đất trả cho bà N được 2.000.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của bà N số nợ vốn là 4.200.000.000 đồng và 509.619.999 đồng tiền lãi, tổng cộng vốn và lãi là 4.709.619.999 đồng, nhưng bà xin trả dần số nợ trên cho bà N.

- Ông Nguyễn Trung M là đồng bị đơn vắng mặt, tại biên bản hoà giải ngày 12/01/2022, ông M trình bày: Ông không biết gì về số nợ của bà N, ông và bà L đã ly hôn. Ngày ký giấy mượn tiền do con rể ông tên P kêu ông ký nên ông mới ký. Ông đồng ý phụ bà L trả tiền lãi cho bà N khi ông có thu nhập.

- Ông Phan Thanh S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tại biên bản hoà giải ngày 01/12/2021, ông S trình bày: Ông hoàn toàn không có liên quan gì đến số nợ bà N kiện bà L. Phần đất trước đây bà N yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thừa đất có nguồn gốc của ông bà ông để lại. Ông mượn bà L đứng

tên dùng để vay vốn ngân hàng được nhiều hơn để làm ăn, nhưng bị bà N yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa thửa đất này, nên ông đã trả nợ thay cho bà L được 2.000.000.000 đồng, để bà N và bà L sớm giải quyết xong số nợ để ông giữ lại thửa đất của ông bà để lại. Hiện nay bà N đã yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nên ông không còn liên quan gì đối với số nợ của bà N kiện bà L.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Trung M, ông Phan Thanh S và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do. Do đó đề nghị áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với các đương sự, luật sư.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N, buộc bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M phải liên đới trả cho bà Đoàn Thị N số nợ vốn còn lại là 4.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/02/2022 là 509.619.666 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 4.709.619.999 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Đoàn Thị Nang với bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có lãi; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định.

Ông Nguyễn Trung M, ông Phan Thanh S và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do. Do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với các đương sự, luật sư.

[2] Bà Bùi Thị Trúc L thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy mượn tiền ngày 28 tháng 9 năm 2021 là của bà và ông M. Bà thừa nhận có thiếu nợ vốn vay của bà N số tiền 8.200.000.000 đồng. Ông S đã trả nợ thay cho bà được 2.000.000.000 đồng, bà đã chuyển nhượng đất trả cho bà N được 2.000.000.000 đồng, còn lại số nợ gốc là 4.200.000.000 đồng và tiền lãi là 509.619.999 đồng, tổng cộng là 4.709.619.999 đồng, bà xin trả dần số nợ. Bà L khai trình đây là số nợ riêng của bà, ông M không liên quan gì đến số nợ này. Ông M trình bày ông và bà L đã ly hôn. Ông chỉ đồng ý phụ bà L trả tiền lãi cho bà N. Xét thấy tại giấy mượn tiền ngày 28/9/2021 bà L và ông M cùng ký tên và viết chữ họ và tên vào giấy mượn tiền; Ông M và bà Trúc L đã ly hôn nhưng ở các biên bản tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án ông M đều ghi “Tôi sẽ giao lại cho vợ tôi là Bùi Thị Trúc L” (Bút lứt số 41, 64), do đó có căn cứ xác định bà L và ông M cùng vay tiền của bà N. Bà N yêu cầu bà

Trúc L và ông M phải liên đới trả số nợ vốn gốc còn lại là 4.200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng, tiền lãi là 509.619.999 đồng, tổng cộng là 4.709.619.999 đồng. Yêu cầu này của bà N là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Bà L xin trả dần số nợ nói trên; Ông M chỉ đồng ý phụ trả tiền lãi cho bà N, yêu cầu của bà L, ông M không phù hợp nên không được chấp nhận. Do đó cần buộc bà L, ông M phải liên đới trả cho bà N số nợ vốn gốc là 4.200.000.000 đồng và tiền lãi là 509.619.999 đồng, tổng cộng là 4.709.619.999 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của bà N, bà N đã có đơn xin huỷ bỏ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Toà án đã có quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, nên không xem xét. Số tiền bà N đã tạm nộp về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là 2.400.000 đồng, bà N đồng ý chịu chi phí này, nên không xem xét.

[4] Do bà N yêu cầu huỷ bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không còn liên quan đến ông Phan Thanh S, ông S cũng không có yêu cầu gì liên quan trong vụ án nên không xem xét.

[5] Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đoàn Thị N đối với bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M.

Buộc bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ gốc vay và tiền lãi cho bà Đoàn Thị N số tiền 4.709.619.999 đồng. (Bốn tỷ, bảy trăm lẻ chín triệu, sáu trăm mười chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng). (Trong đó nợ gốc là 4.200.000.000 đồng và tiền lãi là 509.619.999 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Trúc L và ông Nguyễn Trung M phải liên đới chịu 112.709.619 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Bà Đoàn Thị N không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 58.138.000 đồng, theo biên lai thu số 0007546 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\*Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Thái**